

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144/2023/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Phi Hồ

2. Bà Vương Thị Khánh Loan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Nguyễn Thúy
Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 891/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 1378/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q1**

Địa chỉ: Tầng A(tầng trệt) và tầng 2, **Tòa nhà S - A, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hàn Ngọc V** vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Ngọc T** bà **Lưu Phúc N** Nguyễn Văn T1 và ông **Nguyễn X** N1

Địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P, B U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông **Vũ Trí V1**, sinh năm 1995

Địa chỉ: tổ C, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Ông T2, V1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q1 ông **Trần Q** T3đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 06/01/2021, **Ngân hàng TMCQ1** Qvói ông **Vũ T** V1có ký Hợp đồng tín dụng số 7209685.21 cho ông V1vay số tiền 611.000.000đồng; Mục đích vay vốn: Vay mua xe ô tô; Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 07/01/2021 đến ngày 06/01/2029. Ngân hàng đã giải ngân cho ông V1theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7209685(1).21 ngày 06/01/2021 với số tiền 611.000.000đồng theo đúng yêu cầu của ông **V2** 06/01/2021, ông V1có Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng với hạn mức tín dụng là 30.000.000đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất vay: Theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Khoản vay có tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 7317338.21 ngày 06/01/2023, tuy nhiên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm này.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông V1đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, khoản vay bị quá hạn từ ngày 25/12/2021. Tạm tính đến ngày 12/09/2023, ông V1đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là 660.861.224đồng (trong đó: gốc là 611.000.000đồng, lãi là 49.861.224 đồng). Tạm tính đến ngày 12/09/2023, ông V1còn nợ Ngân hàng số tiền: 133.074.050đồng (Một trăm ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm năm mươi đồng), trong đó: Dư nợ HĐTD số 7209685.21 ngày 06/01/2021 là 95.796.637đồng (nợ lãi) và Dư nợ thẻ tín dụng là 37.277.413 đồng (gốc là: 21.966.173đồng, lãi/phí là: 15.311.240đồng).

Nay **Ngân hàng TMCP Q1** kiện yêu cầu ông **Vũ T** V1phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Q1** bộ khoản tiền nợ còn lại là 133.074.050 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm năm mươi đồng), trong đó: Dư nợ HĐTD số 7209685.21 ngày 06/01/2021 là 95.796.637 đồng (nợ lãi) và Dư nợ thẻ tín dụng là 37.277.413 đồng (gốc là: 21.966.173 đồng, lãi/phí là: 15.311.240 đồng) và tiếp tục tính lãi, lãi/phí phạt quá hạn kể từ ngày 13/09/2023 cho đến khi ông V1thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông **Vũ T V1đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Q1** có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, ông **Vũ T** V1 vay tiền của **Ngân hàng TMCP Q1** mục đích tiêu dùng cá nhân. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **Vũ T** V1 đầy đủ, tuy nhiên ông V1 vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Việc trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi của mình vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của đương sự nhưng do ông **Vũ T** V1 có tình không đến Tòa làm việc, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì mặc nhiên ông **Vũ T** V1 thừa nhận là có vay tiền của Ngân hàng theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án chỉ có thể căn cứ trên lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của **Ngân hàng TMCP Q1** Qvề việc buộc ông **Vũ T** V1 có nghĩa vụ trả 133.074.050 đồng, trong đó: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7209685.21 ngày 06/01/2021 là 95.796.637 đồng (nợ lãi) và Dư nợ theo thẻ tín dụng là 37.277.413 đồng (gốc là: 21.966.173 đồng, lãi/phí là: 15.311.240 đồng), thì thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 7209685.21 ngày 06/01/2021; Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản; bảng kê chi tiết số tiền gốc và tiền lãi ông V1 đã thanh toán cho Ngân hàng thể hiện ông V1 đã nhận đủ số tiền đã vay. Tính đến ngày 12/9/2023, ông V1 còn nợ của Ngân hàng số tiền là 133.074.050 đồng; trong đó: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng là 95.796.637 đồng (nợ lãi) và Dư nợ thẻ tín dụng là 37.277.413 đồng (gốc là: 21.966.173 đồng, lãi/phí là: 15.311.240 đồng). Số tiền trên đến nay ông V1 không thanh toán là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Do vậy yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông **Vũ T** V1 phải trả 133.074.050 đồng tiền nợ gốc và nợ lãi phí là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của **Ngân hàng TMCP Q1** Qbuộc ông **Vũ T** V1 có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP Q1** Qsố tiền là 133.074.050 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm năm mươi đồng).

[3] **Về án phí:** Do yêu cầu của **Ngân hàng TMCP Q1** Qđược chấp nhận nên **Ngân hàng TMCP Q1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông **Vũ T** V1 phải chịu

6.653.703 đồng (Sáu triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm lẻ ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Q1** với ông **Vũ T V1** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc ông **Vũ T V1** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Q1** Q số tiền là 133.074.050 đồng; trong đó: Dư nợ của Hợp đồng tín dụng 95.796.637 đồng (nợ lãi) và Dư nợ thẻ tín dụng là 37.277.413 đồng (gốc là: 21.966.173 đồng, lãi/phí là: 15.311.240 đồng).

- Kể từ ngày 13/9/2023, ông **Vũ T V1** còn phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7209685.21 ngày 06/01/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Ông **Vũ T V1** phải chịu 6.653.703 đồng (Sáu triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm lẻ ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Q1** Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.990.600 đồng (Mười ba triệu chín trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng), theo biên lai thu số 0005348 ngày 06/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. **Ngân hàng TMCP Q1** quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông **Vũ T V1** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải